TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Phương Châm

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2021/TLST- HNGĐ, ngày 17/5/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6459/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 6902/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 31/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1973; (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)
Địa chỉ: 33/20 đường L, phường T, Quận M, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Lưu Anh Q, sinh năm: 1972; (Vắng mặt)
Địa chỉ: 33/20 đường L, phường T, Quận M, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản khai tại Tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Lưu Anh Q tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ch, tỉnh T ngày 12/03/1993 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: A, Quyển số: 01/93; có 02 (Hai) con chung tên là

Lưu Nguyễn Anh Đ (Nữ), sinh ngày 14/11/1995 và Lưu Nguyễn Anh H (Nam), sinh ngày 22/4/1999.

Thời gian chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra cãi vã; hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng không đạt kết quả và ngày càng căng thẳng. Bà H nhận thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên sống chung không hạnh phúc; Do đó, bà yêu cầu ly hôn với ông Q để ổn định cuộc sống. Các con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lưu Anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, tuy nhiên trong đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lưu Anh Q. Con chung đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết, tài sản chung khai không có.

Ông Lưu Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 1 phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không tham gia các buổi hòa giải tại Tòa dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Lưu Anh Q; Về con chung đã thành niên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, tài sản chung bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con với ông Lưu Anh Q đang cư trú tại Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn - Ông Lưu Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa; do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Lưu Anh Q và bà Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh T ngày 12/03/1993 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: A, Quyển số: 01/93; nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà H khai vợ chồng không còn sống chung vì phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được; nguyên nhân là do hai người không cùng quan điểm sống, bất đồng trong sinh hoạt, thường xuyên xảy ra cãi vã nên mâu thuẫn giữa vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không thành.

Trong thời gian thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hòa giải nhưng ông Q vắng mặt, qua đó cho thấy ông không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà H.

Xét thấy, giữa bà H và ông Q không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; hai bên không sống chung đã lâu nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu của bà H được ly hôn với ông Q để ổn định cuộc sống là chính đáng; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là Lưu Nguyễn Anh Đ (Nữ), sinh ngày 14/11/1995 và Lưu Nguyễn Anh H (Nam), sinh ngày 22/4/1999. Các con chung đã thành niên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

[4] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Thanh H;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Lưu Anh Q.

- Về con chung: Các con chung là Lưu Nguyễn Anh Đo (Nữ), sinh ngày 14/11/1995 và Lưu Nguyễn Anh H (Nam), sinh ngày 22/4/1999, đã thành niên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0030823 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Lưu Anh Qc có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
TÒA
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Đặng Diệu Linh